

Bản án số: **30/2020/HC-PT**

Ngày: 24-11-2020

V/v: *kiện quyết định hành chính trong lĩnh  
vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Cường

***Các Thẩm phán:*** Ông Trần Minh Tuấn

Ông Nguyễn Xuân Điền

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông Nguyễn Hải Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 39/2020/TLPT-HC ngày 16/10/2020, về việc “*kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HC-ST ngày 03-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**\* *Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985; Vắng mặt.

***Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:*** Bà Hoàng Thị H.

Cùng địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Bà Hoàng Thị H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt ( đơn đề ngày 14/11/2020, do bà Hoàng Thị H ký, Toà án cấp cao tại Đà Nẵng nhận ngày 16/11/2020).

**\* *Người bị kiện:*** Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.

***Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:*** Ông Trần Đình N; chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Ông Trần Đình N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ( đơn đề ngày 17/11/2020, do ông Trần Đình N ký, Toà án cấp cao tại Đà Nẵng nhận ngày 20/11/2020).

**\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Bà Phạm Thị V. Địa chỉ:

Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Phạm Thị V có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt ( đơn đề ngày 18/11/2020, do bà Phạm Thị V ký, Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận ngày 20/11/2020).

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Cuối năm 2004, vợ chồng ông Đ, bà H có nhận chuyển nhượng của bà Lưu Thị B thông qua cơ quan Thi hành án dân sự huyện K diện tích đất 7.848m<sup>2</sup>, trên đất có trồng cà phê kinh doanh tại thôn T, xã Ea Toh, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 24/01/2005, ông Đ được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 536504 đối với diện tích đất trên. Sau khi nhận đất sử dụng thì vợ chồng ông Đ phát hiện vợ chồng bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N lấn chiếm đất của vợ chồng ông Đ nên đã khởi kiện gia đình bà V ra Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2013/DSST, ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc đòi bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N trả diện tích 765m<sup>2</sup> đất (Chiều rộng mặt đường 4,8m x mặt sau tính từ mặt đường vào tại điểm 160,8m là 4,7m) tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/01/2005 giữa bà Lưu Thị B với ông Nguyễn Văn Đ đối với diện tích đất 765m<sup>2</sup> (Chiều rộng mặt đường 4,8m x mặt sau tính từ mặt đường vào tại điểm 160,8m là 4,7m) tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà H kháng cáo Bản án sơ thẩm số 36/2013/DSST, ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện K. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 51a/2014/DS-PT, ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc kiện đòi bà V, ông N trả 765m<sup>2</sup> đất tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy một phần bản án sơ thẩm về phần hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/01/2005, giữa bà H, ông Đ và bà B đối với diện tích 765m<sup>2</sup> đất.

Như vậy là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ, bà H và bà B vẫn còn giá trị pháp lý. Việc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào Bản án số 36/2013/DSST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện K để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị V là không đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 37, diện tích 765m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Trần Đình N trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị V là căn cứ theo Bản án số 51a/2014/DS-PT, ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đúng thẩm quyền quy định tại Điều 84; khoản 6, 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. Do đó, việc ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 37, diện tích 765m<sup>2</sup> do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 37, diện tích 765m<sup>2</sup> do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V trình bày:

Ngày 10/2/2002, bà Phạm Thị V có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Kim B và bà Phan Thị H 01 thửa đất diện tích 765m<sup>2</sup> nhưng chưa làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này.

Năm 2011, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Hoàng Thị H khởi kiện gia đình bà V đòi lại 765 m<sup>2</sup> đất mà gia đình bà V đã mua của ông B, bà H vì cho rằng diện tích đất này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 536504 mà ông Đ, bà H đã mua của bà Lưu Thị B từ năm 2005.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Bản án số 36/2013/DSST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện K và Bản án số 51a/2014/DSPT ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử diện tích 765m<sup>2</sup> đất này thuộc quyền sở hữu của gia đình bà V. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bà V đã làm đơn đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện K; Ủy ban nhân dân xã E phối hợp với UBND huyện K và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của các Bản án trên. Đến ngày 15/10/2018, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193 cho bà Phạm Thị V, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 37 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Đ là không có căn cứ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HC-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 135; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính;

Áp dụng khoản 3 Điều 100; khoản 3 Điều 105 của Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 37; Điều 84; khoản 6, khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 37, diện tích 765m<sup>2</sup> do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2020 ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án nêu trên. Ông Đ cho rằng, Tòa án tỉnh Đắk Lắk bác yêu cầu khởi kiện của ông là không đúng, sở Tài Nguyên và Môi Trường dựa vào bản án số 36/2013/DS-ST ngày 11/9/2013 của TAND huyện K để cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị V là không phù hợp, vì bản án số 36 bị hủy, bị sửa một phần nhưng sở Tài Nguyên và Môi Trường áp dụng bản án số 36 là không đúng; Ngày 1/11/2017, UBND huyện K hủy bỏ giá trị pháp lý về GCNQSDĐ số AC 356504 của gia đình tôi nên tôi làm đơn khởi kiện quyết định hành chính đối với quyết định số 6301/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện K, tuy nhiên quá trình chờ đợi thì Sở Tài Nguyên và Môi Trường đã cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị V, do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện, hủy GCNQSDĐ số CM 655193 mà Sở Tài Nguyên và Môi Trường cấp cho bà V.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 255 Luật tố tụng hình chính tiến hành xét xử vụ án và áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HC-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Bà Hoàng Thị H- người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện; ông Trần Đình N- người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện và Bà Phạm Thị V- người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 255 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Trong đơn kháng cáo gửi đến Tòa phúc thẩm, người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không đúng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp cho bà Phạm Thị V.

[3] Xét nội dung kháng cáo, ông Nguyễn Văn Đ cho rằng sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào bản án số 36/2013/DS-ST ngày 11/9/2013 để cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị V trong khi bản án này đã bị Tòa án tỉnh Đắk Lắk sửa, huỷ một phần, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Năm 2011, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Hoàng Thị H khởi kiện gia đình bà Phạm Thị V đòi lại 765 m<sup>2</sup> đất mà gia đình bà V đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Kim B và bà Phan Thị H vì diện tích đất này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 536504 mà ông Đ, bà H đã nhận chuyển nhượng của bà Lưu Thị B từ năm 2005.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2013/DSST, ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc đòi bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N trả diện tích đất 765m<sup>2</sup> (Chiều rộng mặt đường 4,8m x mặt sau tính từ mặt đường vào tại điểm 160,8m là 4,7m) tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng diện tích đất 765m<sup>2</sup> (Tứ cận: phía N rộng 4,8m, phía B giáp đất ông Đ rộng 4,8m, phía Đông giáp đất ông Đ dài 160m, và phía Tây giáp đất bà V dài 159,1m) tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/01/2005 giữa bà Lưu Thị B với ông Nguyễn Văn Đ đối với diện tích đất 765m<sup>2</sup> (Chiều rộng mặt đường 4,8m x mặt sau tính từ mặt đường vào tại điểm 160,8m là 4,7m) tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Đề nghị UBND xã E, huyện K phối hợp với các cơ quan thẩm quyền xem xét, điều chỉnh hiện trạng thực tế quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị V và hộ ông Nguyễn Văn Đ tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo các thửa số 91, 92 tờ bản đồ số 33 đúng thực tế các đương sự đang sử dụng khi có yêu cầu.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Đ kháng cáo Bản án sơ thẩm số 36/2013/DSST, ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện K. Tại Bản án phúc thẩm số 51a/2014/DS-PT, ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (BL-78) đã quyết định:

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đ về việc kiện đòi bà V, ông N trả 765m<sup>2</sup> đất tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy một phần bản án về phần hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/01/2005 giữa bà H, ông Đ và bà B đối với diện tích 765m<sup>2</sup> đất.

Như vậy, bản án dân sự phúc thẩm số 51a/2014/DS-PT ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chỉ sửa một phần bản án sơ thẩm, tức là tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm tuyên về hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/01/2005 giữa bà H, ông Đ và bà B đối với diện tích 765m<sup>2</sup> đất. Còn trong bản án phúc thẩm này vấn đề quan trọng nhất vẫn giữ nguyên như bản án sơ thẩm số 36/2013/DS-ST ngày 11/9/2013, đó là : “ Không chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc kiện đòi bà Phạm Thị V ông Nguyễn Văn N trả 765m<sup>2</sup> đất tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk”.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm và phúc thẩm này, ông Nguyễn Văn Đ đã có đơn đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm nhưng tại Thông báo số 49/TB-DS ngày 17/4/2017 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (BL-96) đã trả lời cho ông rõ: “Không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2013/DS-ST ngày 11/9/2013 của Toà án nhân dân huyện K và Bản án dân sự phúc thẩm số 51a/2014/DS-PT ngày 21/4/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk”.

Năm 2017, bà Phạm Thị V nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 33, diện tích đất 765 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 536504 được UBND huyện K cấp ngày 24/01/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ theo Bản án số 51a/2014/DS-PT, ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sau khi nhận đơn, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K đã kiểm tra thụ lý hồ sơ theo quy định, chuyển hồ sơ đến phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tham mưu UBND huyện K ban hành Quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 536504, lý do: hộ ông Nguyễn Văn Đ không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 536504 để thực hiện đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo Bản án số 51a/2014/DS-PT, ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 01/11/2017, UBND huyện K ban hành Quyết định số 6301/QĐ-UBND về việc hủy giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 536504 cấp ngày 24/01/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K đã kiểm tra, xác nhận vào hồ sơ xin đăng ký cấp giấy, đã trích lục bản đồ địa chính, gửi thông tin đến cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính. Sau khi bà V đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính theo quy định, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K đã lập hồ sơ trình Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án số 51a/2014/DS-PT, ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào Quyết định số 391/QĐ-STNMT ngày 28/6/2017 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì ngày 15/10/2018, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193, thửa đất số 264, tờ bản đồ 37, diện tích đất 765,0m<sup>2</sup> cho bà Phạm Thị V là có căn cứ và đúng pháp luật.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị V đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 84; khoản 6, khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[4] Về nội dung kháng cáo ông cho rằng trong khi ông đang chờ đợi việc giải quyết vụ án hành chính ông khởi kiện quyết định số 6301/QĐ-UBND thì Sở Tài

nguyên và Môi Trường cấp GCN cho bà Phạm Thị V. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Đ đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định 6301/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC536504 của hộ ông Nguyễn Văn Đ. Tại Bản án số 61/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Sau đó, ông Đ đã kháng cáo đối với Bản án trên. Ngày 24/6/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ra Quyết định số 78/2020/QĐ-PT đình chỉ xét xử phúc thẩm theo điểm d khoản 1 Điều 229 Luật tổ tụng hành chính và tuyên Bản án sơ thẩm số 61/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định này(BL-117). Như vậy, xét về bản chất thì yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ không được Toà án chấp nhận, Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, do vậy vụ kiện hành chính này không làm ảnh hưởng đến việc cấp GCNQSDĐ của Sở Tài Nguyên và Môi Trường cho bà Phạm Thị V.

Từ những phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ là không có cơ sở, Toà án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ là có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 22/2020/HC-ST ngày 03/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 29, khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính và Nghị quyết 326/NQ-UBTVQHK14 về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 22/2020/HC-ST ngày 03/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 135; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính;

Áp dụng khoản 3 Điều 100; khoản 3 Điều 105 của Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 37; Điều 84; khoản 6, khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Áp dụng Điều 29, khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 655193, thửa đất số 264, tờ bản đồ số 37, diện tích 765m<sup>2</sup> do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/10/2018 cho bà Phạm Thị V.

[2] Về án phí phúc thẩm hành chính:

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0015478, ngày 25/9/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Cường**